TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **2597**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

Ông Phạm Văn Hễ

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 260/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5553/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Quach L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 702 Joaquin Ave, San Leandro, CA 94577, USA (Hoa Kỳ).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 301/3 đường KTH, phường HT, quận TP, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 08/9/2023, ông Quach L trình bày:

Ông Quach L và bà Phạm Thị Y kết hôn năm 2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 17/12/2018 do Ủy ban nhân dân quận TP, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý, ông Quach L sinh sống tại nước Hoa Kỳ, bà Phạm Thị Y sinh sống tại Việt Nam nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, khác biệt về văn hóa, vợ chồng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Quach L yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Y.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản khai ngày 15/11/2023, bà Phạm Thị Y trình bày:

Bà Phạm Thị Y đồng ý thống nhất trình bày của ông Quach L về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông Quach L khởi kiện yêu cầu ly hôn, bà Phạm Thị Y có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Y đồng ý ly hôn ông Quach L.

Về con chung: Không có, bà Phạm Thị Y đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, bà Phạm Thị Y đồng ý.

Ông Quach L và bà Phạm Thị Y yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Quach L yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Phạm Thị Y, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn ông Quach L đang cư trú tại nước USA (Hoa Kỳ), bị đơn bà Phạm Thị Y cư trú tại quận TP, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn ông Quach L, bị đơn bà Phạm Thị Y tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Quach L và bị đơn bà Phạm Thị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông Quach L và bà Phạm Thị Y theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quach L đối với bị đơn bà Phạm Thị Y, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 17/12/2018 do Ủy ban nhân dân quận TP, Thành phố H cấp cho ông Quach L và bà Phạm Thị Y; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Quach L và bà Phạm Thị Y là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Quach L yêu cầu ly hôn bà Phạm Thị Y với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý, ông Quach L sinh sống tại nước Hoa Kỳ, bà Phạm Thị Y sinh sống tại Việt Nam nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể chia sẻ cùng nhau, khác

biệt về văn hóa, vợ chồng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đối với bà Phạm Thị Y cũng thừa nhận trình bày của ông Quach L là đúng và đồng ý ly hôn ông Quach L. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa ông Quach L và bà Phạm Thị Y không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quach L ly hôn bà Phạm Thị Y theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Quach L và bà Phạm Thị Y trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Quach L và bà Phạm Thị Y trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Quach L phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quach L đối với bị đơn bà Phạm Thị Y:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Quach L ly hôn bà Phạm Thị Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 181 ngày 17/12/2018 do Ủy ban nhân dân quận TP, Thành phố H cấp cho ông Quach L và bà Phạm Thị Y không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Ông Quach L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004043 ngày 19/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Phạm Thị Y vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Quach L cư trú ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND quận TP, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức